

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 416-TC/QĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 1968

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ vào Nghị định số 197-CP ngày 07-11-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ vào điều 56 của điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước ban hành theo Nghị định số 175-CP ngày 28-10-1961 của Hội đồng Chính phủ;

Căn cứ vào Nghị định số 101-CP ngày 03-07-1968 của Hội đồng Chính phủ về nguyên tắc quản lý tài chính hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và giao trách nhiệm cho Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán hợp tác xã sản xuất nông nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nhằm giúp hợp tác xã tăng cường quản lý kinh tế-tài chính, đẩy mạnh phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm, mở rộng xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, cải thiện từng bước đời sống xã viên, củng cố quan hệ sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa.

Điều 2. Chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán này áp dụng cho tất cả các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Điều 3. Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn việc thực hiện chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cho phù hợp với trình độ phát triển nông nghiệp, với đặc điểm các ngành

nghe và trình độ tổ chức hợp tác xã ở địa phương; lãnh đạo Ủy ban hành chính cấp dưới và các ngành liên quan của tỉnh, thành phố, thường xuyên kiểm tra, giúp đỡ hợp tác xã thực hiện nghiêm chỉnh chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán của Nhà nước.

Điều 4. Chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán này bắt đầu thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1969.

Những điều quy định trước đây về quản lý tài chính và kế toán đối với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trái với hai chế độ này đều bãi bỏ.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Sơn

CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Nông nghiệp giữ vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Nông nghiệp phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc là cơ sở để phát triển công nghiệp. Trong tình hình cả nước có chiến tranh, nhu cầu về lương thực, thực phẩm và các loại nông sản càng lớn, nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp càng hết sức quan trọng.

Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp là một tổ chức kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa, do nông dân xã viên làm chủ. Được sự giúp đỡ to lớn của Nhà nước, hợp tác xã phải ra sức phát huy tinh thần làm chủ tập thể, ý thức tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng hợp tác xã; phải tiến hành sản xuất, kinh doanh, phân phối thu nhập theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phải tổ chức quản lý theo nguyên tắc quản lý xã hội chủ nghĩa.

Trong công tác quản lý hợp tác xã, quản lý tài chính có vị trí rất quan trọng; nó nhằm mục đích phục vụ và thúc đẩy phát triển sản xuất, phục vụ đời sống xã viên, bảo

đảm nghĩa vụ đối với Nhà nước, tăng cường quản lý hợp tác xã và củng cố quan hệ sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa

Chương 1

NHIỆM VỤ VÀ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Điều 1. Nhiệm vụ của công tác quản lý tài chính hợp tác xã :

1. Động viên mọi nguồn vốn trong hợp tác xã, sử dụng các nguồn vốn ấy một cách hợp lý và tiết kiệm;
2. Phân phối thu nhập của hợp tác xã theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước;
3. Bảo vệ tốt tài sản của hợp tác xã và của Nhà nước, sử dụng tài sản vào sản xuất và kinh doanh với hiệu quả kinh tế cao;
4. Bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách, chế độ quản lý kinh tế, tài chính của Nhà nước trong hợp tác xã;
5. Giám sát chặt chẽ mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, phân phối thu nhập của hợp tác xã ;

Điều 2. Quản lý tài chính hợp tác xã phải vừa bảo đảm quyền làm chủ tập thể của hợp tác xã và xã viên, vừa bảo đảm quyền lãnh đạo tập trung và quản lý thống nhất của Nhà nước.

Quản lý tài chính hợp tác xã phải quán triệt những nguyên tắc sau đây:

1. Quản lý dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của hợp tác xã và xã viên;
2. Quản lý theo đúng chính sách, chế độ của Nhà nước, nội quy của hợp tác xã ;
3. Quản lý thống nhất, có kế hoạch và theo chế độ hạch toán kinh tế;
4. Kết hợp đúng đắn lợi ích của Nhà nước, lợi ích của hợp tác xã và lợi ích của xã viên.

Chương 2

QUẢN LÝ THU CHI VÀ PHÂN PHỐI THU NHẬP TRONG HỢP TÁC XÃ

Điều 3. Để tích cực khai thác mọi khả năng của hợp tác xã, bảo đảm vốn cho việc mở rộng sản xuất, không ngừng tăng thu nhập của hợp tác xã và của xã viên, hợp

tác xã phải nắm vững, tính toán đầy đủ và tích cực khai thác mọi nguồn thu của hợp tác xã.

Tổng số thu của hợp tác xã phải phản ánh đầy đủ và chính xác kết quả sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã. Tổng số thu đó bao gồm các khoản thu về sản phẩm ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi, các ngành nghề khác và các khoản thu khác.

Thu của mỗi ngành phải bao gồm cả thu về sản phẩm chính và sản phẩm phụ.

Khi tính số thu phải tính đầy đủ phần đã bán ra, phần đem dùng cho sản xuất và xây dựng cơ bản của hợp tác xã và phần đã tạm chia cho xã viên.

Điều 4. Để bảo đảm thu hồi vốn cho sản xuất, kế hoạch thu chi tài chính phải tính toán chặt chẽ các khoản chi phí sản xuất; sau mỗi kỳ thu hoạch, hợp tác xã phải xác định đúng đắn các khoản chi phí sản xuất để bù đắp đầy đủ số hao phí vật chất đã bỏ ra cho các ngành sản xuất. Chi phí sản xuất bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

a) Chi phí trực tiếp bao gồm toàn bộ phí tổn sản xuất trực tiếp của từng ngành sản xuất:

- Chi phí về trồng trọt gồm các khoản chi về giống, phân bón, thuốc trừ sâu, khấu hao tài sản cố định và sửa chữa nhỏ tài sản cố định, khoản giá trị tài sản không xếp vào tài sản cố định, phân bổ vào chi phí trồng trọt, chi phí về thủy lợi (nông giang), chi phí cho máy bơm hoặc thuê máy bơm, máy kéo, chi phí về máy tuốt lúa, bồi dưỡng trâu bò cày, chi phí khác về trồng trọt;

- Chi phí về chăn nuôi gồm các khoản chi về giống gia súc, gia cầm, thức ăn, thuốc phòng trừ bệnh, khấu hao tài sản cố định và sửa chữa nhỏ tài sản cố định, khoản giá trị tài sản không xếp vào tài sản cố định phân bổ vào chi phí chăn nuôi, chi phí về máy nghiền thức ăn, chi phí về thí nghiệm, chi phí khác về chăn nuôi;

- Chi phí về các ngành nghề khác gồm các khoản chi về nguyên, vật liệu, nhiên liệu, động lực, khấu hao tài sản cố định và sửa chữa nhỏ tài sản cố định, khoản giá trị tài sản không xếp vào tài sản cố định phân bổ vào chi phí các ngành nghề, chi phí về kỹ thuật, chi phí về thí nghiệm, chi phí khác về ngành nghề.

Đối với những khoản chi phí trực tiếp có tác dụng nhiều năm (chi phí cải tạo đất, chi phí khai hoang trồng cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày...), thì tùy theo tác dụng của từng khoản chi phí đó và tùy theo hoàn cảnh thu nhập cụ thể của từng hợp tác xã mà quy định thời hạn phân bổ các khoản chi phí đó cho hợp lý.

Khi tính các khoản chi để bù đắp chi phí trực tiếp trong năm không được tính các khoản chi phí sản xuất liên quan đến phần thu hoạch chuyển cho năm sau (chi phí sản xuất nhưng chưa có thu nhập).

Đối với những hợp tác xã có trang bị cơ khí nhỏ thì:

- Chi phí cho máy dùng ở ngành sản xuất nào tính vào chi phí trực tiếp của ngành sản xuất đó.
- Chi phí cho máy dùng trong các nghề có tính chất kinh doanh phải tính toán riêng cho từng máy (hoặc từng nghề).

b) Chi phí gián tiếp gồm những khoản chi vào việc quản lý hợp tác xã : đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, khen thưởng thi đua, sửa chữa nhỏ vật dụng văn phòng, chi về bảo vệ kho tàng, trụ sở; chi về văn phòng phẩm, dầu đèn, sách báo kỹ thuật, nghiệp vụ, công tác phí, chi về chè nước tiếp khách và dùng trong đại hội xã viên, chi về trang trí cần thiết cho những ngày lễ lớn; trả lợi tức tiền vay, bù lỗ khi bán nguyên vật liệu, công cụ nhỏ không dùng đến; các khoản bồi thường cho bên ngoài hợp tác xã; giá trị nguyên vật liệu, sản phẩm thiếu có lý do chính đáng khi kiểm kê.

Điều 5. Hợp tác xã phải trích trong tổng số thu hàng năm để bù đắp đầy đủ chi phí sản xuất, phần còn lại là thu nhập để phân phối của hợp tác xã : việc phân phối thu nhập của hợp tác xã bao gồm phân phối theo hình thức giá trị và hình thức hiện vật, nhằm mục đích bảo đảm đời sống xã viên, khuyến khích xã viên hăng hái lao động sản xuất và xây dựng hợp tác xã, đồng thời bảo đảm vốn để tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật của hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất phát triển .

Việc phân phối thu nhập của hợp tác xã phải :

- Làm đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo đúng chính sách, chế độ;
- Tăng tích lũy của hợp tác xã để xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, tăng thêm vốn bảo đảm mở rộng sản xuất, kinh doanh;